

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02175** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Nghệp vụ ĐK và QL hộ tịch**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988				9	8.0	8.0			6.0		6.9
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984				8	7.0	7.0			7.0		7.1
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998				7	7.0	6.0			8.0		7.4
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980				6	6.0	6.0			7.0		6.6
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992				6	7.0	6.0			7.0		6.8
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982				8	7.0	7.0			8.0		7.7
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979				6	6.0	7.0			6.0		6.2
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996				6	5.0	5.0			7.0		6.3
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993				5	5.0	5.0			8.0		6.8
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983				7	6.0	6.0			8.0		7.3
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992				5	6.0	5.0			7.0		6.4
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984				6	7.0	6.0			7.0		6.8
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990				7	6.0	7.0			8.0		7.4
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992				7	7.0	6.0			8.0		7.4
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996				6	7.0	7.0			7.0		6.9
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991				8	6.0	5.0			7.0		6.6

Châu Đốc, ngày 4 tháng 5 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đoàn Thị Ngọc Yến